



## Kế hoạch Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMP)

Tháng 6 năm 2025

<b>Dự án:</b> Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam (VN-CSCC)	
<b>Quốc gia:</b> Việt Nam	<b>Đối tác của dự án:</b> Bộ Nông nghiệp và Môi trường (NNMT), Ủy ban nhân dân thành phố Huế, tỉnh Bình Định, tỉnh Sóc Trăng
<b>Thang đánh giá về mức độ tác động tới Xã hội và Môi trường của UNDP</b>	<b>Mức độ lồng ghép Giới theo qui định của UNDP</b>
<b>Mức độ:</b> Trung bình	<b>Xếp loại:</b> GEN3

## **Danh mục từ viết tắt**

CIG	Nhóm thông tin về khí hậu
CoP	Cộng đồng thực hành
DAE	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (NNMT)
DTTS	Dân tộc thiểu số
ESIA	Đánh giá tác động môi trường và xã hội
EIA	Đánh giá tác động môi trường
EMP	Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số
ESMF	Khung quản lý môi trường và xã hội
ESMP	Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội
FPIC	Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin
FIAP	Chính sách hỗ trợ quốc tế vì phụ nữ của Canada
GAC	Bộ các vấn đề toàn cầu Canada
GEWE	Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ
GRM	Cơ chế giải quyết khiếu nại
HMEWS	Hệ thống cảnh báo sớm khí tượng thủy văn
IPP	Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số
IWW	Nhóm thu gom rác thải không chính thức
MPA	Khu bảo tồn biển
NbCS	Giải pháp khí hậu dựa vào thiên nhiên
PA	Khu vực được bảo vệ
POPP	Chính sách/Quy trình vận hành chương trình (UNDP)
PSEAH	Bảo vệ khỏi bị bóc lột, lạm dụng và quấy rối tình dục
SES	Tiêu chuẩn xã hội và môi trường (UNDP)
SESP	Quy trình sàng lọc xã hội và môi trường (UNDP)
SOP	Quy trình vận hành tiêu chuẩn
UNDP	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc

## Mục lục

1. Tóm tắt tổng quan .....	3
1.1. Mô tả Dự án .....	4
1.2. Mục đích và phạm vi .....	5
1.2.1. Danh mục tài liệu chính sách an toàn của dự án .....	5
1.2.2. Luật pháp và khuôn khổ thể chế cho các vấn đề môi trường và xã hội .....	5
1.2.3. Phạm vi áp dụng .....	7
1.2.4. Quá trình gắn kết các bên liên quan và chia sẻ thông tin .....	8
2. Phân tích các rủi ro xã hội và môi trường đối với các hoạt động dự án .....	10
2.1. Địa điểm can thiệp .....	10
3. Triển khai và vận hành .....	24
3.1. Trách nhiệm của các bên liên quan .....	24
3.2. Giám sát, đánh giá và báo cáo .....	25
3.2.1. Giám sát và báo cáo .....	25
3.2.2. Báo cáo sự cố môi trường .....	25
3.2.3. Dự toán chi phí .....	25
4. Cơ chế giải quyết khiếu nại .....	26
5. Dân tộc thiểu số .....	26
PHỤ LỤC I – KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ (EMP) .....	27
I. Bối cảnh dự án .....	27
II. Tóm tắt về các quyền cơ bản và khuôn khổ pháp lý .....	27
IV. Lợi ích phù hợp .....	30
V. Hỗ trợ năng lực .....	31
VI. Giải quyết khiếu nại .....	31
VII. Sắp xếp thể chế .....	31
VIII. Giám sát và báo cáo .....	32
IX. Ngân sách và Tài chính .....	32
PHỤ LỤC II: VN-CSCC SESP .....	32
PHỤ LỤC III: DANH SÁCH KIỂM TRA & GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG ĐỀ LẬP ĐẶT HMEWS .....	32
PHỤ LỤC IV – KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG SES 2025 .....	33
PHỤ LỤC V – PROJECT LEVEL GRM – TERMS OF REFERENCE .....	33
PHỤ LỤC VI – ĐƠN ĐÓNG GÓP Ý KIẾN .....	33

## 1. Tóm tắt tổng quan

Kế hoạch Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMP) được xây dựng để hỗ trợ việc thực hiện Dự án “Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam” (VN-CSCC), do Bộ các vấn đề toàn cầu Canada (GAC) tài trợ thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP). Kế hoạch này nhằm hỗ trợ đánh giá các tác động tiềm tàng về môi trường và xã hội và đề xuất các biện pháp giảm thiểu trong quá trình thực hiện Dự án, đồng thời giúp Dự án đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của quy định về Tiêu chuẩn xã hội và môi trường (SES) của UNDP, Chính sách hỗ trợ quốc tế vì phụ nữ của Canada (FIAP) và các yêu cầu về môi trường của GAC.

Công tác phân tích và sàng lọc sơ bộ tiến hành trong giai đoạn phát triển Dự án thông qua Quy trình sàng lọc xã hội và môi trường (SESP) của UNDP đã xác định được các rủi ro xã hội và môi trường tiềm ẩn liên quan đến các hoạt động của dự án. Quy trình sàng lọc đã xác định được 3 “Rủi ro trung bình” và 2 “Rủi ro thấp”, do đó, dự án được xếp hạng ở mức độ rủi ro “Trung bình”. Tác động của các rủi ro xã hội và môi trường này có thể quản lý được thông qua các biện pháp giảm thiểu được nêu chi tiết trong SESP. Dự án đã xây dựng Khung quản lý môi trường và xã hội (ESMF) để cung cấp các chính sách, khuôn khổ, và tiêu chuẩn cho việc quản lý rủi ro xã hội và môi trường. Ngoài ra, Báo cáo Phân tích môi trường cũng được tiến hành trong giai đoạn xây dựng dự án để xác định các rủi ro môi trường và giúp xây dựng các biện pháp giảm thiểu phục vụ cho giai đoạn thực hiện. Kế hoạch ESMP này xây dựng dựa trên các tài liệu ESMF, SESP, Phân tích môi trường cùng các tài liệu và hướng dẫn có liên quan khác như đã đề cập ở trên. Bản kế hoạch ESMP này nên được nghiên cứu và xem xét trong mối tương quan với các tài liệu dự án VN-CSCC và các phụ lục liên quan.

Xin lưu ý rằng một số nhóm dân tộc thiểu số (DTTS) (dân tộc Hoa và Khmer ở huyện Trần Đề và thị xã Vĩnh Châu của tỉnh Sóc Trăng) có thể dựa vào các nguồn lợi thủy sản dưới tán rừng để duy trì sinh kế và các tập tục truyền thống của họ. Bên cạnh các cuộc tham vấn đã được tiến hành với các dân tộc thiểu số trong giai đoạn chuẩn bị Dự án với nỗ lực đảm bảo rằng các cuộc tham vấn này được tiến hành theo các nguyên tắc Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC), trong quá trình triển khai dự án, các cuộc tham vấn bổ sung theo nguyên tắc FPIC sẽ được tiếp tục triển khai để xác nhận sự đồng thuận của cộng đồng liên quan đến các khoản tài trợ và hoạt động của Dự án. Kế hoạch Phát triển Dân tộc thiểu số (EMP) đã được xây dựng và trình bày trong Phụ lục I.

Bộ tài liệu kế hoạch ESMP này áp dụng cách tiếp cận dựa trên việc xác định đầy đủ các rủi ro tiềm ẩn về môi trường và xã hội cùng các biện pháp giảm thiểu liên quan đến các can thiệp được coi là “Rủi ro trung bình” trong SESP và bao gồm các can thiệp “cứng” (lắp đặt, trồng và phục hồi) bao gồm:

- (i) Lắp đặt Hệ thống cảnh báo sớm khí tượng thủy văn (HMEWS) - Hoạt động 1111.1; ii) Vận hành các điểm thu gom rác thải nhựa do các hợp tác xã/nhóm xử lý rác thải không chính thức (IWW) do phụ nữ lãnh đạo thực hiện - Hoạt động 1212.4;
- (ii) Thành lập và quản lý Khu bảo tồn biển (MPA) - Hoạt động 1311.1; 1311.2; 1311.4; 1311.6; và
- (iii) Trồng/phục hồi rừng ngập mặn và phục hồi rạn san hô - Hoạt động 1312.3; 1321.4; 1322.3; 1322.4.

Ngoài ra, căn cứ đầu ra 1222, Dự án đã lên kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật cho hoạt động du lịch sinh thái dựa trên yêu cầu của chính quyền tỉnh. Hiện tại, quy mô và địa điểm của các hoạt động theo đầu ra 1222 vẫn đang trong giai đoạn tham vấn với các bên liên quan, bộ tài liệu ESMP này sẽ cung cấp một số thông tin tổng thể về các rủi ro đã được xác định, các biện pháp giảm thiểu và cơ chế giám sát cho các hoạt động này. Các rủi ro xã hội và môi trường của các hoạt động khác chỉ bao gồm việc xây dựng năng lực, đào tạo, sự kiện và phân tích chính sách sẽ được quản lý thông qua tài liệu ESMF của dự án. Ngoài ra, Dự án sẽ tiến hành một loạt các đánh giá cần thiết và xây dựng kế hoạch trước khi thực hiện các biện pháp can thiệp. Công tác xác định và giảm thiểu rủi ro sẽ được lồng ghép vào các đánh giá và kế hoạch quản lý vừa nêu để làm cơ sở cho việc thực hiện dự án.

Bộ tài liệu ESMP này được xây dựng dựa trên nguyên tắc cải tiến liên tục và sẽ được giám sát và cập nhật khi cần thiết.

## 1.1. Mô tả Dự án

Mục tiêu của Dự án VN-CSCC giúp góp phần “Nâng cao khả năng chống chịu biến đổi khí hậu của các cộng đồng ven biển dễ bị tổn thương, đặc biệt là phụ nữ, và cải thiện đa dạng sinh học biển và ven biển tại Việt Nam”. Dự án là một trong các sáng kiến quan trọng về các giải pháp dựa vào thiên nhiên (NbS) nằm trong khuôn khổ các cam kết về tài chính khí hậu của Canada.

Các bằng chứng từ các hoạt động thích ứng ven biển tại Việt Nam và trên toàn cầu cho thấy các giải pháp khí hậu dựa vào thiên nhiên (NbCS) - các hoạt động phù hợp với từng địa phương, giải quyết hiệu quả và thích ứng với các thách thức về khí hậu của xã hội bằng cách bảo vệ, quản lý bền vững và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên và đã biến đổi - có thể mang lại nhiều lợi ích cho cả con người và thiên nhiên, bao gồm thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai, đảo ngược tình trạng suy thoái hệ sinh thái và mất đa dạng sinh học, cải thiện sức khỏe con người và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững, an ninh lương thực và nguồn nước, những khía cạnh quyết định sinh kế của các cộng đồng ven biển dễ bị tổn thương tại Việt Nam.

Để đạt được mục tiêu trên, Dự án sẽ tăng cường năng lực của các cơ quan chính phủ, các cộng đồng ven biển dễ bị tổn thương, đặc biệt là phụ nữ và các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo trong việc thực hiện các hoạt động dự án theo ba Kết quả trực tiếp có liên quan và tương hỗ sau:

- (i) Áp dụng các dịch vụ thông tin khí hậu có tính đến giới và lập kế hoạch có tính đến rủi ro để thích ứng với biến đổi khí hậu với các đồng lợi ích về môi trường;
- (ii) Triển khai các giải pháp khí hậu dựa vào tự nhiên cho kinh tế biển và sinh kế bền vững, với các đồng lợi ích về thích ứng và bảo tồn đa dạng sinh học; và
- (iii) Cải thiện việc bảo vệ và đồng quản lý bền vững đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái và tài nguyên thiên nhiên tại 3 tỉnh/thành phố của Việt Nam bao gồm thành phố Huế (Bắc Trung Bộ), tỉnh Bình Định (Đồng bằng sông Cửu Long; Nam Trung Bộ) và tỉnh Sóc Trăng (Tây Nguyên; Đồng bằng sông Cửu Long).

Việc sáp nhập địa giới hành chính các tỉnh thành tại Việt Nam sẽ diễn ra trong những tháng tới đây (Quý II và Quý III năm 2025) theo Nghị quyết 60-NQ/TW năm 2025 của Chính phủ Việt Nam được công bố vào đầu năm 2024 về việc hợp nhất các trung tâm chính trị và hành chính.

Tỉnh Gia Lai và tỉnh Bình Định sẽ được sáp nhập để thành lập một tỉnh Gia Lai mới. Các đơn vị hành chính sẽ đặt tại tỉnh Bình Định hiện nay, đóng vai trò là trung tâm chính trị và hành chính. Tương tự, thành phố Cần Thơ, cùng với tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang, sẽ được sáp nhập và gọi tên là thành phố Cần Thơ, với thủ phủ và trung tâm hành chính giữ nguyên tại thành phố Cần Thơ hiện tại. Tác động của việc sáp nhập địa giới hành chính đối với tiến độ và việc thực hiện Dự án sẽ được đánh giá bổ sung sau ngày có hiệu lực của quá trình sáp nhập này (dự kiến vào Quý III năm 2025).

Cộng đồng ven biển của tỉnh/thành phố nơi thực hiện Dự án dễ bị tổn thương do các yếu tố tự nhiên và kinh tế xã hội, bao gồm ảnh hưởng bởi bão lũ, mực nước biển dâng, xói mòn bờ biển, xâm nhập mặn và thủy triều cao. Các tỉnh/thành phố này cũng đang phải gặp phải tình trạng mất đa dạng sinh học do chuyển đổi đất, phá hủy môi trường sống, khai thác quá mức nguồn tài nguyên thiên nhiên, biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, các khu vực này vẫn được đánh giá là có hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học cao, bao gồm rừng ngập mặn và các rạn san hô.

Bên cạnh đó, các tỉnh thành này có tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao và tình trạng chênh lệch giới tính kéo dài. Phân biệt đối xử xã hội đối với phụ nữ biểu hiện ở tỷ lệ việc làm thấp hơn, khả năng tiếp cận giáo dục và đào tạo hạn chế và khoảng cách tiền lương đáng kể.

Dự án sẽ áp dụng một cách tiếp cận sáng tạo và toàn diện để thực hiện một loạt các hoạt động nhằm nâng cao năng lực của chính phủ, các cộng đồng ven biển dễ bị tổn thương, đặc biệt là phụ nữ trong việc áp dụng thông tin khí hậu có tính đến giới và lập kế hoạch có tính đến rủi ro để thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời tạo ra các đồng lợi ích về môi trường.

Như đã nêu ở trên, các rủi ro xã hội và môi trường của Dự án được giải quyết thông qua các khung kế hoạch chính: **Khung Quản lý môi trường và xã hội (ESMF)**, **Phân tích môi trường (Phụ lục VI của Kế hoạch thực hiện dự án (PIP))**, được xây dựng trong giai đoạn xây dựng dự án và **Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP)**, được lập trong giai đoạn khởi động. Các hoạt động được phân loại là **rủi ro trung bình**, bao gồm lắp đặt hệ thống cảnh báo sớm, vận hành các điểm thu gom rác thải nhựa, trồng/phục hồi rừng ngập mặn và phục hồi rạn san hô, thuộc phạm vi của ESMP này, trong khi tất cả các hoạt động khác đều nằm trong ESMF.

## 1.2. Mục đích và phạm vi

### 1.2.1. Danh mục tài liệu chính sách an toàn của dự án

Tài liệu ESMP này là một phần của bộ tài liệu chính sách an toàn của dự án, hướng tới đề xuất các biện pháp quản lý rủi ro môi trường xã hội đối với Dự án, đảm bảo rằng Dự án tuân thủ theo Tiêu chuẩn xã hội và môi trường (SES) của UNDP. Các tài liệu chính sách an toàn của Dự án bao gồm:

- a) Quy trình sàng lọc xã hội và môi trường (SESP)
- b) Khung quản lý xã hội và môi trường (ESMF)
- c) Kế hoạch Quản lý xã hội và môi trường (ESMP – tài liệu này)
- d) Kế hoạch các bên liên quan (SEP)
- e) Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số (EMP – Phụ lục I đính kèm tài liệu này)
- f) Chiến lược và Kế hoạch hành động về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ
- g) Phân tích môi trường – Phụ lục VI của Kế hoạch thực hiện dự án.

Toàn bộ các tài liệu chính sách an toàn của dự án, bao gồm tài liệu ESMP này, sẽ được sửa đổi và cập nhật trong quá trình thực hiện dự án nếu cần thiết (ví dụ: trong trường hợp phát hiện ra rủi ro mới).

### 1.2.2. Luật pháp và khuôn khổ thể chế cho các vấn đề môi trường và xã hội

#### 1.2.2.1. Luật pháp, Chính sách và Quy định quốc gia

Việt Nam có khuôn khổ pháp lý dựa trên hệ thống phân cấp các luật, nghị quyết, pháp lệnh, nghị định, quyết định và thông tư được ban hành ở nhiều cấp khác nhau bắt đầu từ Quốc hội. Hệ thống này có mức độ phức tạp cao vì nhiều quyết định pháp lý được ban hành ở nhiều cấp khác nhau. Dưới đây là tóm tắt các chính sách, luật và quy định chính liên quan đến việc thực hiện SES của dự án.

#### A. Khung pháp lý

1. Luật Bình đẳng giới (2006)
2. Luật Đa dạng sinh học (2008)
3. Luật Đất đai số 45/2013/QH13 (2013)
4. Luật Phòng, chống thiên tai (2013)
5. Luật Tài nguyên và Môi trường biển và hải đảo (2015)
6. Luật Du lịch (2017)
7. Luật Khí tượng thủy văn (2018)
8. Luật Bảo vệ môi trường số 21/VBHN-VPQH (2022)
9. Luật Lâm nghiệp 06/VBHN-VPQH (2023)
10. Luật Đất đai số 31/2024 (cập nhật năm 2024)
11. Luật Thủy sản (2024)
12. Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn (2024)

#### B. Chính sách và Chiến lược

1. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (liên tục, phát triển theo chu kỳ)
2. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới 2021–2030

3. Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021: Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
4. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh (2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050)
5. Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến 2030, tầm nhìn đến 2050 (Phê duyệt 01/2022)
6. Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (2022)
7. Chiến lược quốc gia về khai thác và bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (2023)
8. Lâm nghiệp Việt Nam Chiến lược phát triển giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050
9. Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050
10. Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
11. Quy hoạch tổng thể quốc gia về bảo tồn đa dạng sinh học
12. Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (2017)
13. Chiến lược quốc gia về phát triển ngành Khí tượng Thủy văn đến 2030, tầm nhìn đến 2045
14. Quy hoạch tổng thể quốc gia về hệ thống du lịch giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến 2045 (2024)
15. Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09 tháng 05 năm 2024: Quy hoạch tổng thể bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050

#### 1.2.2.2. Các thỏa thuận và hiệp ước quốc tế

Việt Nam là quốc gia ký kết nhiều hiệp định và công ước đa phương có liên quan đến Dự án; bao gồm nhưng không giới hạn ở những điều sau:

- 1966, Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR)
- 1966, Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR)
- 1969, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (CERD)
- 1969, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)
- 1971, Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (Ramsar)
- 1972, Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới
- 1973, Công ước về buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp (CITES)
- 1989, Công ước về quyền trẻ em
- 1992, Công ước về đa dạng sinh học (CBD)
- 1992, Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC)
- 1994, Công ước Liên hợp quốc về chống sa mạc hóa (UNCCD)
- 1997, Nghị định thư Kyoto của UNFCCC
- 2000, Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học của CBD
- 2003, Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể
- 2005, Công ước Bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt
- 2007, Tuyên bố của Liên hợp quốc về quyền của các dân tộc bản địa (UNDRIP)
- 2015, Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu theo UNFCCC
- Cam kết mục tiêu phát thải ròng bằng 0 của Việt Nam (COP26)
- Khung đa dạng sinh học toàn cầu Côn Minh-Montreal (GBF) (Mục tiêu 30x30).

#### 1.2.2.3. Tiêu chuẩn xã hội và môi trường của UNDP

Tài liệu ESMP của Dự án VN-CSCC sẽ tuân thủ Tiêu chuẩn Xã hội và Môi trường (SES) của UNDP, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Các Tiêu chuẩn này củng cố cam kết của UNDP về việc đưa tính bền vững về xã hội và môi trường vào các chương trình và dự án của mình để hỗ trợ phát triển bền vững và là một thành phần không thể thiếu trong phương thức tiếp cận quản lý rủi ro và đảm bảo chất lượng của UNDP đối với việc thực hiện các chương trình/dự án. Để biết thêm thông tin chi tiết về SES, vui lòng truy cập website của UNDP. Mục tiêu của Tiêu chuẩn xã hội và môi trường là:

- Đảm bảo chất lượng chương trình, dự án bằng cách đảm bảo cách tiếp cận trên các nguyên tắc được thiết lập
- Tối đa hóa các cơ hội và lợi ích về mặt xã hội và môi trường

- Tránh các tác động tiêu cực đến con người và môi trường
- Giảm thiểu, giảm nhẹ và quản lý các tác động tiêu cực khi không thể tránh được
- Tăng cường năng lực của UNDP và đối tác trong việc quản lý rủi ro xã hội và môi trường
- Đảm bảo sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các bên liên quan, bao gồm cơ chế phản hồi khiếu nại từ các bên bị ảnh hưởng bởi dự án
- Tôn trọng và thúc đẩy quyền tự quyết của người dân tộc thiểu số, bao gồm nguyên tắc Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC) và ra các quyết định liên quan.

Tiêu chuẩn xã hội và môi trường của UNDP cũng phù hợp với Chính sách hỗ trợ quốc tế vì phụ nữ (FIAP) và các yêu cầu về môi trường của GAC. Trong phạm vi của Dự án này, SES sẽ được áp dụng cho tất cả các hoạt động và can thiệp của dự án, trên cơ sở nhận được sự ủng hộ từ nhà tài trợ.

Dự án sẽ đảm bảo tuân thủ tất cả các quy định trong nước đã được liệt kê và áp dụng khung pháp luật hiện hành để đạt được mục tiêu của dự án. Đối với một số lĩnh vực đặc thù, SES có thể áp dụng các tiêu chuẩn cao hơn và đưa ra các yêu cầu bổ sung bên cạnh quy định trong nước. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa các quy định trong nước, các quy định, tiêu chuẩn và yêu cầu quốc tế từ nhà tài trợ và tài liệu SES thì tiêu chuẩn cao nhất sẽ được áp dụng.

### 1.2.3. Phạm vi áp dụng

Dự án đã được sàng lọc theo Tiêu chuẩn xã hội và môi trường thông qua Quy trình sàng lọc xã hội và môi trường (SESP) của UNDP. Việc sàng lọc dựa trên phương pháp phòng ngừa, xem xét toàn diện danh mục các loại hoạt động/can thiệp và đánh giá các rủi ro tiềm ẩn dựa trên các loại hoạt động dự kiến sẽ được triển khai ở các địa điểm tại ba thành phố và tỉnh ven biển.

Dự án được xếp loại Rủi ro trung bình với các rủi ro được nêu như dưới đây:

Miêu tả rủi ro	Xếp hạng rủi ro
Rủi ro 1: Việc thiếu thông tin và đào tạo năng lực, đặc biệt là về quyền con người, giới, biến đổi khí hậu, v.v. dẫn đến hạn chế năng lực của chính phủ trong các lĩnh vực này, gây trở ngại cho việc thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ Dự án.	Trung bình
Rủi ro 2: Việc thành lập Khu bảo tồn tự nhiên và Khu bảo tồn biển (MPA) có thể hạn chế khả năng tiếp cận của cộng đồng địa phương đến các địa điểm này, dẫn đến mất thu nhập cho cộng đồng địa phương	Trung bình
Rủi ro 5: Các hoạt động thúc đẩy sự tham gia và lãnh đạo của phụ nữ trong các hoạt động của Dự án có thể làm tăng gánh nặng công việc cho phụ nữ; hoặc bạo lực gia đình đối với phụ nữ và trẻ em gái; hoặc các vấn đề khác như quấy rối và lạm dụng phụ nữ và trẻ em tại nơi làm việc hoặc tập thể.	Trung bình
Rủi ro 6: Hạn chế về diện tích đất để lắp đặt hệ thống giám sát khí tượng thủy văn tự động và cảnh báo sớm cũng như trồng/phục hồi rừng ngập mặn mới, điều này có thể dẫn đến thay đổi đáng kể trong thiết kế dự án.	Trung bình

Bảng 1. Rủi ro xã hội và môi trường của Dự án được đánh giá là “Trung bình”

Các biện pháp giảm thiểu Rủi ro 1 đã được đề cập trong ESMF của Dự án (Bảng 4) và được đưa vào các kế hoạch công việc hàng năm của dự án. Tài liệu ESMP sẽ tập trung vào Rủi ro 2 và Rủi ro 5 liên quan đến việc lắp đặt HMEWS, thành lập và quản lý Khu bảo tồn tự nhiên và Khu bảo tồn biển, trồng/phục hồi rừng ngập mặn và phục hồi rạn san hô. Rủi ro 6 sẽ được giải quyết riêng thông qua Kế hoạch hành động về giới (GAP) của Dự án và các chính sách của UNDP về Phòng ngừa và ứng phó với hành vi sai trái về tình dục. Trong giai đoạn khởi động dự án, nhóm dự án đã xác định các rủi ro xã hội và môi trường của các hoạt động liên quan đến các điểm thu gom rác thải vận hành bởi nhóm thu gom rác phi chính thức (IWW) được đề cập trong ESMP này. Bảng sau nêu chi tiết các hoạt động áp dụng theo phạm vi của tài liệu ESMP này.

Hoạt động	Mã hoạt động	Mô tả
Lắp đặt Hệ thống cảnh báo sớm khí tượng thủy văn (HMEWS)	1111.1	Lắp đặt HMEWS tại các xã được lựa chọn và liên kết với các hệ thống thông tin cấp cao hơn
	1212.4	Vận hành các điểm thu gom rác thải nhựa, do các hợp tác xã/nhóm IWW do phụ nữ lãnh đạo thực hiện
Thành lập và quản lý Khu bảo tồn biển (MPA)	1311.1	Lập hồ sơ các khu bảo tồn (CA), bao gồm nhu cầu quản lý cơ bản và tối ưu
	1311.2	Xây dựng hồ sơ các khu bảo tồn, bao gồm cả phân vùng, để chính phủ thành lập chính thức
	1311.4	Xây dựng kế hoạch quản lý các khu bảo tồn 5 năm, bao gồm các kế hoạch hoạt động về tuần tra, giám sát, nâng cao nhận thức, tạo doanh thu
	1311.6	Thí điểm các chương trình thanh toán cho dịch vụ hệ sinh thái biển (PMES), với khoản thanh toán của người sử dụng dịch vụ
Trồng/phục hồi rừng ngập mặn và phục hồi rạn san hô	1312.3	Tiến hành trồng san hô có sự tham gia của phụ nữ và các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo
	1321.4	Thực hiện phục hồi rừng ngập mặn tại chỗ có sự tham gia của phụ nữ và các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo
	1322.3	Thực hiện trồng rừng ngập mặn phân tán với sự tham gia của phụ nữ và các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo
	1322.4	Hỗ trợ cộng đồng duy trì rừng ngập mặn phân tán, đặc biệt là do phụ nữ quản lý
Cộng đồng thực hành (CoPs) thúc đẩy các giải pháp khí hậu dựa vào tự nhiên (NbCS) và bình đẳng giới trong du lịch sinh thái	1222	<p><i>Thành phố Huế:</i> Dự án sẽ hỗ trợ du lịch sinh thái ven biển của tỉnh, thúc đẩy việc tích hợp các tiêu chuẩn môi trường vào thiết kế và vận hành cơ sở hạ tầng liên quan đến du lịch.</p> <p><i>Tỉnh Bình Định:</i> Hỗ trợ phát triển các mô hình du lịch sinh thái dựa vào thiên nhiên tại Côn Chim (xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước) và có thể tại các địa điểm khác ở Nhơn Lý, Nhơn Hải và Ghềnh Ráng.</p> <p><i>Tỉnh Sóc Trăng:</i> Hỗ trợ các chuyến thăm quan rừng ngập mặn và nghề đánh bắt cá thủ công tại Cù Lao Dung.</p>

Bảng 2. Các can thiệp được đề cập trong ESMP này

## 1.2.4. Quá trình gắn kết các bên liên quan và chia sẻ thông tin

### 1.2.4.1. Các hoạt động đánh giá hỗ trợ phát triển ESMP

Dựa trên các đánh giá được thực hiện trong giai đoạn xây dựng Dự án (như được mô tả trong ESMF), các rủi ro về môi trường và xã hội cũng như các tác động tiềm tàng đã được xác định thông qua việc tham vấn chuyên gia và tiến hành các hội thảo và buổi tham vấn do UNDP và các ban QLDA thực hiện.

Bảng 3 tóm tắt quá trình tham vấn thực địa và các hoạt động xây dựng năng lực được tiến hành để xây dựng tài liệu ESMP:

Hạng mục	Địa điểm	Thời gian	Hoạt động	Lưu ý
Hội thảo tập huấn quản lý	Green One UN House (GOUNH),	16-17 tháng 1 năm 2025	Tập huấn quản lý dự án cho cán bộ Ban QLDA tỉnh.	Lưu ý về tầm quan trọng của quá trình tham vấn đối với hoạt

Hạng mục	Địa điểm	Thời gian	Hoạt động	Lưu ý
dự án VN-CSCC	304 Kim Mã, Hà Nội		Trình bày và thảo luận chuyên sâu về các nội dung của SES.	động phục hồi rừng ngập mặn và MPA
Hội thảo khởi động dự án	TP. Huế và Sóc Trăng	TP. Huế: 25 tháng 3 năm 2025 Sóc Trăng: 27 tháng 3 năm 2025	Cung cấp thông tin về dự án cho các bên liên quan Tham vấn sơ bộ với đại diện của bên thụ hưởng về rủi ro của SES	
Các chuyến làm việc tại hiện trường của Phụ trách hợp phần 1, Chuyên gia M&E và nhà thầu	3 tỉnh, thành phố	Tháng 7 năm 2024 (lần 1) do UNDP (Chuyên gia khí tượng thủy văn) Tháng 3-4 năm 2025 (lần 2) do Nhà thầu (Reecotech)	Tham vấn về địa điểm lắp đặt hệ thống giám sát khí tượng thủy văn và cảnh báo sớm	Biên bản họp về địa điểm lắp đặt đã được ký kết với xác nhận của đại diện Ban QLDA và Ủy ban nhân dân xã
Thăm thực địa của nhóm quản lý dự án	3 tỉnh, thành phố	23-24/09/2024: xã Nhơn Hải, Cồn Chim, khu vực vịnh Quy Nhơn, Bình Định 25/03/2025: phường Phong Hòa, thị trấn Phong Điền, TP. Huế 26/03/2025: Thị trấn Lăng Cô, Khu bảo tồn biển Bắc Hải Vân, huyện Phú Lộc, TP. Huế 27/03/2025: thôn Trà Sét, xã Vĩnh Hải, thị trấn Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Tham vấn với những người hưởng lợi của Dự án về:  - Rủi ro môi trường xã hội tiềm ẩn từ các biện pháp can thiệp (hạn chế khả năng tiếp cận nguồn tài nguyên thiên nhiên)  - Các yêu cầu về môi trường và xã hội  - Các biện pháp giảm thiểu (ví dụ: các nguyên tắc đảm bảo an toàn trong quá trình phục hồi rừng ngập mặn, giảm thiểu tiếng ồn, bụi và chất thải trong quá trình lắp đặt hệ thống HMEWS)	
Khóa đào tạo về Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (GEWE)	TP. Huế	24/03/2025	Cung cấp nội dung về GEWE và Bảo vệ khỏi Bóc lột, Lạm dụng và Quấy rối Tình dục (PSEAH) cho thành viên Ban QLDA  Xác định các vấn đề nhạy cảm về giới và các giải pháp để giải quyết  Hỗ trợ thành viên Ban QLDA trong việc phát triển và triển khai kế hoạch hành động GEWE	

Bảng 3. Tham vấn, phổ biến thông tin và xây dựng năng lực trong quá trình chuẩn bị ESMP

#### 1.2.4.2 Chia sẻ thông tin

Tài liệu ESMP này sẽ được công bố trên trang web của UNDP Việt Nam theo chính sách của UNDP về SES. Các yêu cầu liên quan về nguyên tắc chia sẻ thông tin sẽ được tuân thủ trong quá trình thực hiện tài liệu ESMP này.

## 2. Phân tích các rủi ro xã hội và môi trường đối với các hoạt động dự án

### 2.1. Địa điểm can thiệp

Các địa điểm đề xuất của các hoạt động/can thiệp của Dự án được đề cập trong tài liệu ESMP này sau khi tham vấn sơ bộ với cộng đồng và chính quyền địa phương như dưới đây:

Tỉnh/ Thành	Quận/ thị trấn	Xã/ phường	Phân vùng	Vị trí địa lý	Số lượng HMEWS	Ghi chú
Thành phố Huế	Thuận Hòa	Phường Thuận An	Đất công trình công cộng	Gần bờ kè gần cầu Diên Trường. Vị trí GPS: 16.533545 N; 107.628785 E	1	Thiết bị đo tự động tốc độ gió, hướng gió, lượng mưa, nhiệt độ không khí, áp suất không khí; và camera IP
	Huyện Quảng Điền	Xã Quảng Công	Đất công trình công cộng	Chợ Cồn Gai. Vị trí GPS: 16.607285 N, 107.5485275 E	3	
			Đất công trình công cộng	Gần hợp tác xã nước mắm Quảng Công tại làng Tân Thành. Vị trí GPS: 16.615367 N; 107.553004 E		
		Thị trấn Sia	Đất công trình công cộng	Gần trạm kiểm lâm Quảng Điền. Vị trí GPS: 16.569816 N; 107.499884 E		
	Thị trấn Phong Điền	Phường Phong Hòa	Đất công trình công cộng	Gần QL49B, O Lau Riverside. Vị trí GPS: 16.648006 N; 107.315491 E	1	Thiết bị đo mức nước thủy triều tự động và camera IP
Huyện Phú Lộc	Thị trấn Lăng Cô	Đất công trình công cộng	Gần Minh Quý - Cafe view biển, cách đường đèo Hải Vân 50m về phía Bắc, cách cầu Hải Vân 120m về phía Tây. Vị trí GPS: 16.222450 N; 108.092252 E	1		
Tỉnh Bình Định	Thị xã Hoài Nhơn	Phường Tam Quan Bắc	Đất công trình công cộng	Cảng cá Tam Quan. Vị trí GPS:  14.568580 N, 109.060910 E	1	Thiết bị đo tự động tốc độ gió, hướng gió, lượng mưa, nhiệt độ không khí, áp suất không khí; và camera IP
	Quận Phú Mỹ	Xã Mỹ An	Đất trụ sở	Ủy ban nhân dân xã Mỹ An. Vị trí GPS: 14.2722347 N; 109.164327 E	1	
	Huyện Tuy Phước	Xã Phước Hòa	Đất công trình công cộng	Trạm thủy lợi Hà Thành. Vị trí GPS:  13.902484 N, 109.229060 E	1	

Tỉnh/ Thành	Quận/ thị trấn	Xã/ phường	Phân vùng	Vị trí địa lý	Số lượng HMEWS	Ghi chú
	Thành Phố Quy Nhơn	Xã Nhơn Hải	<i>Đất trụ sở</i>	UBND xã Nhơn Hải. Vị trí GPS: 13.7647173 N; 109.289762 E	1	Thiết bị đo mức nước sông tự động và camera IP
	Thị xã Hoài Nhơn	Phường Hoài Hương	<i>Đất công trình công cộng</i>	Giữa cầu Lại Giang bắc qua sông Lại Giang. Vị trí GPS: 14.4777377 N; 109.090643 E	1	
	Huyện Phù Cát	Xã Cát Thành	<i>Đất trụ sở</i>	UBND xã Cát Thanh. Vị trí GPS: 14.0813738 N; 109.192511 E	1	
	Phù Cát	Thị trấn Cát Khánh	<i>Đất công trình công cộng</i>	Giữa cầu Ngòi. Vị trí GPS:  14.127282 N, 109.206918 E	1	
Tỉnh Sóc Trăng	Huyện Cù Lao Dung	Xã An Thành Nam	<i>Đất trụ sở</i>	UBND xã An Thành Nam. Vị trí GPS: 9.51347778 N; 106.228508 E	1	Thiết bị đo tự động tốc độ gió, hướng gió, lượng mưa, nhiệt độ không khí, áp suất không khí; và camera IP
		Xã An Thành 2	<i>Đất trụ sở</i>	UBND xã An Thành 2. Vị trí GPS: 9.61716667 N; 106.194283 E	1	
	Huyện Trần Đề	Xã Trung Bình	<i>Đất trụ sở</i>	UBND xã Trung Bình. Vị trí GPS: 9.49544722 N; 106.188900 E	1	
		Xã Trung Bình	<i>Đất công trình công cộng</i>	Cảng cá Mỏ Ó. Vị trí GPS: 9.42456111 N; 106.170450 E	1	
	Thị xã Vĩnh Châu	Xã Lai Hòa	<i>Đất trụ sở</i>	UBND xã Lai Hòa. Vị trí GPS: 9.31666111 N; 105.832789 E	1	
		Phường 1	<i>Đất trụ sở</i>	Trạm Kiểm lâm phường 1. Vị trí GPS: 9.30401667 N; 105.982906 E (dự kiến di dời từ Trạm Kiểm lâm phường 1 về cơ sở phường Vĩnh Phước)	1	
		Xã Lạc Hòa	<i>Đất trụ sở</i>	Ủy ban nhân dân xã Lạc Hòa. Vị trí GPS: 9.35410278 N; 106.058039 E	1	
	<b>Tổng cộng (trạm)</b>					

Bảng 4. Vị trí đề xuất để lắp đặt các trạm HMEWS

Mã	Hoạt động	Địa điểm	Ghi chú
1212.4	Các điểm thu gom rác thải nhằm giảm ô nhiễm nhựa từ nghề cá	Đang cập nhật	Địa điểm thu gom rác thải sẽ được cập nhật dựa trên kết quả tham vấn với cộng đồng địa phương
1311	Hỗ trợ thành lập và quản lý các khu bảo tồn biển (MPA)	Bắc Hải Vân, huyện Phú Lộc, TP. Huế Vịnh Quy Nhơn, tỉnh Bình Định Thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, thành phố Huế	Phạm vi của MPA và khu vực phục hồi rạn san hô
1312.3	Phục hồi rạn san hô	Các xã Nhơn Lý, Nhơn Hải, Nhơn Châu, Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	
1321.4, 1322.3, 1322.4	Trồng/phục hồi rừng ngập mặn	Các xã Phú Diễm, Vĩnh Hà, Vĩnh Xuân, Phú Gia, Phú Xuân, Phú Thuận, Phú Hải, Vinh An, Vinh Thạnh, Phú Đa, huyện Phú Vang, TP. Huế	Dự kiến trồng mới 67 ha Trồng phân tán 40.000 cây
		Các xã Phước Sơn, Phước Thắng huyện Tuy Phước; các xã Mỹ Cát, Mỹ Chánh, Mỹ Thành thuộc huyện Phú Mỹ; các xã Cát Khánh, Cát Minh huyện Phù Cát; Các xã Hoài Mỹ, Hoài Hải, huyện Hoài Nhơn – tỉnh Bình Định	Dự kiến số lượng cây trồng phân tán là 50.000 cây
		Các xã An Thành Nam và An Thành 3, huyện Cù Lao Dung, Vĩnh Hải, Vĩnh Phước, Phường 1, Phường 2, các xã Lạc Hòa, Vĩnh Tân, Lai Hòa, thị trấn Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Dự kiến 327 ha (50 ha trồng mới; 277 ha tái sinh tự nhiên có hỗ trợ), 160.000 cây trồng phân tán
		Thành lập vườn ươm giống cây ngập mặn và cây nguyên sinh tại xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	

Bảng 5. Các địa điểm đề xuất cho các điểm thu gom rác thải, MPA và phục hồi rừng ngập mặn

Như đã đề cập ở trên, kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, chính quyền cấp huyện sẽ bị xóa bỏ và một số lượng lớn các tỉnh và xã sẽ được sáp nhập trên toàn quốc. Ngoài ra, các nhà thầu đang tiến hành tham vấn thêm với cộng đồng và chính quyền địa phương để xác nhận vị trí của các trạm HMEWS, các điểm thu gom rác thải, phạm vi và ranh giới của các MPA và các địa điểm phục hồi rừng ngập mặn để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng địa phương. Bất kỳ thay đổi nào về vị trí nêu trên sẽ được cập nhật trong phiên bản tiếp theo của tài liệu ESMP này.



*Bản demo của HMEWS (trạm khí tượng)*



*Bản demo của HMEWS (trạm thủy văn)*



*Địa điểm thành lập và quản lý MPA*



*Điểm thu gom rác thải tái chế*



*Khu vực trồng phục hồi rừng ngập mặn*



*Vườn ương rừng ngập mặn*

*Bảng 6. Minh họa các biện pháp can thiệp được đề cập trong tài liệu ESMP*

## **2.2. Rủi ro môi trường/xã hội và các biện pháp giảm thiểu rủi ro của các hoạt động**

Bảng 7 dưới đây liệt kê các rủi ro được xác định cho các can thiệp/hoạt động mục tiêu như đã đề cập ở trên. Bảng này có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo để hỗ trợ các thành viên nhóm dự án xác định các rủi ro bổ sung có thể áp dụng cho các địa điểm cụ thể.

Yếu tố Môi trường / Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Xác suất Rủi ro	Trách nhiệm	Hình thức thực hiện	Ghi chú
<b>Cài đặt HMEWS (Mã hoạt động: 1111.1)</b>							
Thiết bị lắp đặt	Thiệt hại cho môi trường địa phương (ví dụ, nạn phá rừng, xói mòn đất)	Tiến hành đánh giá nhanh trước khi lắp đặt và lựa chọn các địa điểm có tác động thấp  Giảm thiểu diện tích cần thiết để lắp đặt trong thiết kế (khoảng 1m <sup>2</sup> /HMEWS)	Trước khi lắp đặt	Thấp	Nhóm quản lý dự án, Phụ trách Hợp phần 1, Nhà thầu	Kiểm tra tại chỗ, tham vấn tại địa phương, báo cáo đánh giá nhanh. biên bản  Sử dụng danh sách kiểm tra trong Phụ lục III	HMEWS sẽ được lắp đặt trên đất công cách xa các khu rừng/khu bảo tồn thiên nhiên. Khả năng xảy ra rủi ro được xác định ở mức thấp.
Khó khăn trong công tác giao đất để lắp đặt	Các hệ thống/trạm không được lắp đặt đầy đủ và không mang lại lợi ích cho người hưởng lợi	Tổ chức các cuộc họp với chính quyền địa phương và cộng đồng địa phương để có được cam kết bằng văn bản về việc giao đất để lắp đặt các trạm	Trước khi lắp đặt	Trung bình	Các ban QLDA, nhà thầu	Kiểm tra thực địa, biên bản họp, xác nhận từ các cơ quan chức năng  Danh sách kiểm tra trong Phụ lục III	
Sự tham gia của cộng đồng	Hệ thống trực trực do thời tiết khắc nghiệt hoặc vấn đề kỹ thuật dẫn đến mất lòng tin của cộng đồng	Có lịch bảo trì thường xuyên, giải pháp nguồn điện dự phòng	Sau khi lắp đặt	Thấp	Nhà thầu	Lưu ghi chép về quá trình bảo trì, báo cáo hiệu quả hoạt động	
Sự tham gia của cộng đồng	Sai sót trong việc thu thập dữ liệu ảnh hưởng đến hiệu quả cảnh báo sớm, gây mất lòng tin của cộng đồng	Kiểm tra hệ thống thường xuyên	Sau khi lắp đặt	Thấp	Nhà thầu, ban QLDA	Báo cáo xác nhận	

Yếu tố Môi trường / Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Xác suất Rủi ro	Trách nhiệm	Hình thức thực hiện	Ghi chú
Thiếu sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động của Dự án	Phụ nữ tham gia hạn chế và không tích cực trong việc tiếp nhận và chia sẻ thông tin/tin nhắn, khiến các hoạt động của Dự án thiếu yếu tố giới và không mang lại lợi ích cho phụ nữ.	<p>Giám sát thường xuyên (giao tiếp tại chỗ và trực tuyến)</p> <p>Thành lập các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo của xã (CIG) với ít nhất 60% thành viên là nữ.</p> <p>Đảm bảo có ít nhất 40% người tham gia vào các hoạt động của hệ thống cảnh báo sớm là phụ nữ</p>	Sau khi lắp đặt	Thấp-Trung bình	Các ban QLDA	Biên bản/ghi chú cuộc họp	
Sự tham gia của cộng đồng	Các nhóm thiểu số không thể truy cập dữ liệu khí hậu nông nghiệp do thiếu thiết bị cần thiết (ví dụ: điện thoại thông minh) và các dịch vụ kết nối hoặc thông tin không được cung cấp bằng ngôn ngữ phù hợp với văn hóa, làm giảm hiệu quả lắp đặt HMEWS	<p>Xác định những người tiên phong trong các nhóm này để khuyến khích sử dụng thông tin và chia sẻ tới các thành viên khác</p> <p>Tham khảo ý kiến của đại diện các cộng đồng dân tộc thiểu số về các phương tiện truyền bá thông tin và dữ liệu</p> <p>Đa dạng hóa các kênh thông tin của HMEWS (ví dụ: nhóm Zalo thôn/xóm, Loa phát thanh của xã, trang Facebook của Xã, các cuộc họp thường kỳ từ các tổ chức xã và cộng đồng; nhóm Zalo của các nhóm sản xuất)</p> <p>Các khóa đào tạo sử dụng dữ liệu khí hậu nông nghiệp sẽ được tiến hành theo cách tiếp cận có tính đến giới, nhấn mạnh vào kiến thức và đóng góp đặc thù của phụ nữ</p>	Sau khi lắp đặt	Trung bình	Các ban QLDA	Tham vấn công khai	
An ninh	Nguy cơ HMEWS có thể bị hư hỏng hoặc một số thiết bị kỹ thuật có thể bị đánh cắp do các biện pháp an ninh không đầy đủ.	Tiến hành các chiến dịch nâng cao nhận thức rộng rãi trong cộng đồng địa phương để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc lắp đặt HMEWS và khuyến khích giám sát tích cực dựa vào cộng đồng.	Sau khi lắp đặt	Trung bình	Ủy ban nhân dân xã, cộng đồng dân cư, nhà thầu	Tham vấn công chúng Biên bản bàn giao	

Yếu tố Môi trường / Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Xác suất Rủi ro	Trách nhiệm	Hình thức thực hiện	Ghi chú
		<p>Yêu cầu nhà thầu kết hợp các tính năng chống trộm và an ninh vào thiết kế và lắp đặt hệ thống.</p> <p>Xây dựng và triển khai kế hoạch bàn giao chính thức cho cộng đồng địa phương, bao gồm cam kết bằng văn bản từ Ủy ban nhân dân xã nhằm đảm bảo an ninh và bảo vệ các trạm HMEWS.</p>					
Thâm họa thiên nhiên	HMEWS có thể bị hư hỏng do nguy cơ lũ quét và lũ theo mùa, cần nhắc đến tần suất thường xuyên của các sự kiện như vậy tại các địa điểm dự án.	<p>Tiến hành khảo sát toàn diện khi lựa chọn địa điểm, bao gồm phân tích lịch sử lũ lụt và đánh giá rủi ro.</p> <p>Tham gia tham vấn với cộng đồng địa phương và các cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo các địa điểm HMEWS có vị chiến lược để giảm thiểu khả năng bị ảnh hưởng bởi lũ quét và lũ theo mùa.</p>	Sau khi lắp đặt	Trung bình	Các chuyên gia, nhà thầu, Ban QLDA	Khảo sát, lựa chọn địa điểm	
<b>Hoạt động của các điểm thu gom rác thải nhựa từ ngành thủy sản do các hợp tác xã/nhóm xử lý rác thải phi chính thức (IWW) do phụ nữ lãnh đạo thực hiện (Hoạt động 1212.4) do các hợp tác xã/nhóm xử lý rác thải phi chính thức (IWW) do phụ nữ lãnh đạo thực hiện (Hoạt động 1212.4)</b>							
Sức khỏe và An toàn nghề nghiệp	Tiếp xúc với chất thải nguy hiểm, vật sắc nhọn và rác thải nhựa bị ô nhiễm có thể dẫn đến các vấn đề sức khỏe và thương tích	Cung cấp thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE), tiến hành đào tạo an toàn và thiết lập các quy trình xử lý chất thải phù hợp	Trước và trong khi hoạt động	Trung bình	Nhóm dự án, Phụ trách Hợp phần 2, các trưởng nhóm IWW	Phân phối PPE, tài liệu đào tạo, hướng dẫn xử lý chất thải	
Ô nhiễm môi trường	Phân loại và xử lý rác thải không đúng cách có thể dẫn đến ô nhiễm thứ cấp (ví dụ: vi nhựa, rò rỉ)	Thiết lập quan hệ đối tác với các cơ sở tái chế Giám sát cộng đồng về xử lý chất thải	Trong quá trình hoạt động	Trung bình	Ban QLDA, nhóm IWW, chính quyền địa phương	Hướng dẫn quản lý chất thải, xây dựng quan hệ đối tác với các đơn vị tái chế	

Yếu tố Môi trường / Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Xác suất Rủi ro	Trách nhiệm	Hình thức thực hiện	Ghi chú
		<p>Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế (ISO 24161) và các tiêu chuẩn quốc gia (Quyết định 1746) về quản lý chất thải</p> <p>Đảm bảo các cơ sở tái chế được cấp phép</p>					
Sự chấp nhận của cộng đồng	Sự không hài lòng từ cộng đồng địa phương do ảnh hưởng các hoạt động thu gom rác thải	Các chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng và các cuộc họp tham vấn để giải thích các lợi ích và được thực hiện theo cách có tính đến giới	Trước và trong khi hoạt động	Thấp	Nhóm dự án, chính quyền địa phương	Tham vấn, cơ chế khiếu nại	
Yếu tố đất đai	Có thể xảy ra việc thiếu sự đồng thuận về địa điểm được chỉ định làm điểm thu gom rác thải nhựa.	<p>Tiến hành tham vấn với cộng đồng địa phương, chính quyền và các thành viên của hiệp hội nghề cá</p> <p>Nhận được sự đồng ý bằng văn bản của tất cả các bên liên quan và xác nhận của chính quyền về các địa điểm được chỉ định làm điểm thu gom rác thải nhựa</p>	Trước khi hoạt động	Trung bình	Nhóm dự án, chính quyền địa phương	Tham vấn, cơ chế khiếu nại	
<b>Hỗ trợ thành lập và quản lý MPA (Mã hoạt động: 1311.1; 1311.2; 1311.4; 1311.6)</b>							
Sự dịch chuyển kinh tế	Nguy cơ về việc tái định cư của cộng đồng địa phương	<p>Tiến hành tham vấn theo nguyên tắc FPIC</p> <p>Đánh giá xã hội về tác động của việc thành lập MPA đến khả năng tiếp cận tài nguyên của cộng đồng</p> <p>Xây dựng các chương trình sinh kế thay thế, thu hút cộng đồng địa phương tham gia vào nhóm đồng quản lý</p>	Giai đoạn lập kế hoạch	Trung bình	UNDP, Ban QLDA, chính quyền địa phương, các chuyên gia xã hội	Tham vấn theo nguyên tắc Đồng ý tự nguyện, trước và được thông báo (FPIC), phản hồi của cộng đồng	Đã xác nhận rằng sẽ không có việc tái định cư từ các can thiệp của dự án. Ảnh hưởng về mặt kinh tế và thu nhập, nếu có, sẽ được đánh giá và tham vấn nghiêm ngặt sau

Yếu tố Môi trường / Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Xác suất Rủi ro	Trách nhiệm	Hình thức thực hiện	Ghi chú
							FPIC. Các phương án sinh kế thay thế sẽ được đề xuất và tham vấn với cộng đồng.
Khó khăn trong công tác triển khai	Đánh bắt cá không hợp pháp, phá rừng hoặc xâm lấn	Tăng cường cơ chế tuần tra và thực thi	Giai đoạn thực hiện	Trung bình	Nhóm bảo vệ rừng Chủ rừng Chính quyền xã	Báo cáo giám sát	
Vấn đề cộng đồng	Cộng đồng địa phương có tiếp cận hạn chế với các khu bảo tồn thiên nhiên biển mới thành lập, dẫn đến mất thu nhập cho cộng đồng địa phương.	Áp dụng các quy trình có tính tham gia và bao trùm dựa trên phương pháp tiếp cận FPIC để đảm bảo quyền và phúc lợi của cộng đồng địa phương, đặc biệt là các nhóm DTTS, phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương khác, được tính đến một cách thỏa đáng trước khi thành lập Thiết kế và triển khai các mô hình chia sẻ lợi ích Thúc đẩy việc sử dụng Cơ chế giải quyết khiếu nại	Giai đoạn lập kế hoạch và triển khai	Trung bình	UNDP, các Ban QLDA, Sở NNMT, các nhà thầu	Cuộc họp của các bên liên quan Hồ sơ khiếu nại	
Trao quyền cho phụ nữ	Phụ nữ tham gia một cách hạn chế và thiếu tích cực trong việc tiếp nhận và chia sẻ thông tin/tin nhắn	Giám sát thường xuyên Thực hiện kế hoạch GEWE Đảm bảo số lượng phụ nữ được tham vấn, thực hiện các biện pháp can thiệp, chia sẻ kiến thức và đóng góp của phụ nữ ở khu vực nông thôn Đảm bảo các thông điệp/thông tin được viết bằng ngôn ngữ địa phương (dân tộc thiểu số)	Giai đoạn thực hiện	Thấp	Các Ban QLDA	Hồ sơ về Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM)	

Yếu tố Môi trường / Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Xác suất Rủi ro	Trách nhiệm	Hình thức thực hiện	Ghi chú
		và sử dụng đa dạng hình ảnh, âm thanh và định dạng (nhóm Zalo, loa phát thanh của xã, tờ rơi của Dự án) như tiếng Khmer khi phù hợp					
<b>Trồng và phục hồi rừng ngập mặn và phục hồi rạn san hô (Mã hoạt động 1312.3; 1321.4; 1322.3; 1322.4)</b>							
Tỷ lệ sống sót/ phục hồi của cây giống/san hô	Tỷ lệ sống sót thấp do độ mặn của nước, xói mòn, chất lượng cây giống, ứng dụng kỹ thuật hoặc sâu bệnh dẫn đến hoại nghi về hiệu quả dự án  Khai thác quá mức/xâm lấn vào khu vực tái sinh/trồng mới  Quá trình trồng san hô không đạt tiêu chuẩn	Khảo sát lựa chọn địa điểm bao gồm đánh giá sinh thái, khảo sát cơ sở và tham vấn với các chuyên gia biển và các bên liên quan tại địa phương để đảm bảo chỉ những địa điểm bị suy thoái nhưng vẫn khả thi về mặt sinh thái mới được chọn để thực hiện can thiệp  Xây dựng tiêu chí lựa chọn theo hướng dẫn kỹ thuật  Sử dụng các loài bản địa chịu mặn, thực hiện các biện pháp kiểm soát xói mòn  Thực hiện các kế hoạch bảo tồn rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng  Tuân thủ các Quy trình vận hành tiêu chuẩn (SOP) về trồng và duy trì rừng ngập mặn và san hô	Giai đoạn trồng và chăm sóc	Trung bình	Ban QLDA, Sở NNMT, chủ rừng, nhà thầu, cộng đồng địa phương	Theo dõi tăng trưởng, đánh giá tỷ lệ sống sót	
Sử dụng đất	Thiếu đồng thuận trong việc sử dụng đất cho việc phục hồi rừng ngập mặn và rạn san hô	Có cam kết bằng văn bản từ chính quyền địa phương và cộng đồng về việc sử dụng đất trồng trọt cho việc phục hồi  Xác nhận từ chính quyền địa phương về các khu vực được chỉ định để phục hồi rừng ngập mặn và rạn san hô	Giai đoạn lập kế hoạch	Trung bình	Ban QLDA, chính quyền địa phương, cộng đồng	Hồ sơ khiếu nại	

Yếu tố Môi trường / Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Xác suất Rủi ro	Trách nhiệm	Hình thức thực hiện	Ghi chú
Sử dụng đất	Quy đất hạn chế cho việc trồng và phục hồi rừng ngập mặn  Những thay đổi trong khu vực được chỉ định để phục hồi rạn san hô	Tổ chức các cuộc họp với chính quyền địa phương và cộng đồng địa phương để có được cam kết về đất trồng rừng ngập mặn bằng văn bản  Xác nhận từ chính quyền địa phương về các khu vực được chỉ định để phục hồi san hô	Giai đoạn lập kế hoạch và triển khai	Trung bình	Ban QLDA	Biên bản/Ghi chú cuộc họp  Quyết định của chính quyền tỉnh	
Tác động đến sinh kế	Mất tạm thời hoặc hạn chế khả năng tiếp cận các hoạt động đánh bắt cá do các hoạt động phục hồi rừng ngập mặn và san hô	Tiến hành Đánh giá sinh kế Xác định người bị ảnh hưởng và cung cấp hỗ trợ sinh kế thay thế theo khuyến nghị của Đánh giá sinh kế Thúc đẩy sinh kế thay thế (ví dụ: nuôi trồng thủy sản) Thành lập các nhóm sinh kế của phụ nữ	Giai đoạn lập kế hoạch và triển khai	Trung bình	Ban QLDA, nhà thầu	Đánh giá sinh kế	
Biến đổi khí hậu	Rừng ngập mặn được trồng/phục hồi bởi Dự án bị hư hại do tác động của điều kiện thời tiết khắc nghiệt và biến đổi khí hậu	Thực hiện triển khai các SOP cụ thể và các biện pháp thực hành tốt nhất tại địa điểm dự án	Giai đoạn trồng và chăm sóc	Trung bình	Ban QLDA, nhà thầu, chủ rừng bao gồm cộng đồng, các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo	Kiểm tra đột xuất, báo cáo giám sát	
Sự tham gia của cộng đồng	Thiếu sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ vào việc trồng trọt và duy trì rừng ngập mặn	Tổ chức các chương trình nâng cao năng lực và nâng cao nhận thức phù hợp với phụ nữ và nhóm dân tộc thiểu số  Tổ chức các buổi tham vấn riêng cho phụ nữ khi cần thiết và tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ như trông trẻ để phụ nữ có thể tham gia họp - trong các buổi tham vấn/chia sẻ thông tin	Giai đoạn lập kế hoạch và triển khai	Trung bình	Ban QLDA, nhà thầu	Hồ sơ tham dự, phản hồi các bên tham gia	

Yếu tố Môi trường / Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Xác suất Rủi ro	Trách nhiệm	Hình thức thực hiện	Ghi chú
		Bổ trí phiên dịch ngôn ngữ địa phương khi cần thiết					
Thiên tai và hiện tượng thời tiết	Rừng ngập mặn được trồng hoặc phục hồi trong khuôn khổ dự án có thể đối mặt với nguy cơ bị hư hại do các hiện tượng thời tiết cực đoan và tác động của biến đổi khí hậu. Những yếu tố này có thể làm suy giảm khả năng tồn tại lâu dài của hệ sinh thái rừng ngập mặn, đồng thời ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả của các nỗ lực bảo vệ bờ biển.	<p>Thực hiện kế hoạch chăm sóc 5 năm cho rừng ngập mặn đã trồng, bao gồm di dời các cọc đỡ và cây giống, loại bỏ chất thải và bèo tấm, trồng lại cây chết.</p> <p>Áp dụng các kỹ thuật phục hồi có sự hỗ trợ tự nhiên với việc trồng bổ sung, phù hợp với các hướng dẫn quốc gia.</p> <p>Đảm bảo tất cả các hoạt động tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn được nêu trong các Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT, 21/2023/TT-BNNPTNT và 24/2024/TT-BNNPTNT, với các yêu cầu được lồng ghép vào hồ sơ đấu thầu do UBND/Sở NNMT tỉnh phê duyệt.</p> <p>Yêu cầu ban QLDA xác minh và nghiệm thu công việc trồng rừng theo TCVN 12509-3:2018 trước khi bàn giao chính thức cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	Giai đoạn triển khai và bảo trì	Trung bình	Ban QLDA, nhà thầu	Báo cáo thực địa	
Bình đẳng giới	Việc thiếu sự tham gia và lãnh đạo của phụ nữ có thể làm tăng gánh nặng công việc cho phụ nữ; hoặc bạo lực gia đình đối với phụ nữ và trẻ em gái; hoặc quấy rối và lạm dụng phụ nữ và trẻ em tại nơi làm việc hoặc tập thể.	<p>Các nguyên tắc của GEWE về giới, bao gồm không gây tổn hại và trách nhiệm giải trình, các giải pháp để giải quyết các rủi ro tiềm ẩn sẽ được áp dụng</p> <p>Cán bộ giới sẽ hỗ trợ phát hiện sớm các rủi ro mới về giới</p> <p>Đảm bảo ít nhất 40% phụ nữ tham gia vào các nhóm đồng quản lý rừng ngập mặn</p>	Giai đoạn thực hiện	Trung bình	Ban QLDA, cộng đồng dân cư	<p>Báo cáo giám sát việc thực hiện Kế hoạch hành động GEWE</p> <p>Biên bản/ghi chú cuộc họp</p>	

Yếu tố Môi trường / Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Xác suất Rủi ro	Trách nhiệm	Hình thức thực hiện	Ghi chú
Ô nhiễm	Việc trồng rừng ngập mặn mới trên bãi bồi có thể giải phóng trầm tích và axit sunfat có thể giải phóng sắt, nhôm và các kim loại nặng khác (đặc biệt là asen).	Sàng lọc địa điểm tham vấn cộng đồng để xác định vị trí phục hồi rừng ngập mặn có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất, phân loại đất mang tính lịch sử và gần khu vực nhạy cảm  Đánh giá thực địa/thủy văn: thử nghiệm trầm tích để đánh giá hiện trạng đất phèn và ô nhiễm và đánh giá rủi ro về những thay đổi đối với đặc điểm đất ngập nước, mực nước và số liệu thủy văn, những thay đổi tiềm ẩn về nồng độ trầm tích, chất dinh dưỡng và/hoặc chất gây ô nhiễm  Thiết kế kỹ thuật của các lô phục hồi rừng ngập mặn có tính đến những phát hiện từ sàng lọc thực địa/đánh giá thực địa  Huy động chuyên gia về rừng ngập mặn để hỗ trợ quá trình thực hiện	Giai đoạn lập kế hoạch	Thấp	Nhà thầu, chuyên gia lâm nghiệp, ban QLDA	Đánh giá thực địa  Phân tích phòng thí nghiệm  Báo cáo	
<b>Cộng đồng thực hành (CoP) thúc đẩy các giải pháp khí hậu dựa trên thiên nhiên (NbCS) và bình đẳng giới trong du lịch sinh thái (1222)</b>							
Lồng ghép Giới	Tiếng nói của phụ nữ có thể không được đại diện đầy đủ trong quá trình lập kế hoạch và ra quyết định của CoP	Đảm bảo cơ hội tham gia của phụ nữ và cung cấp đào tạo về bình đẳng giới cho tất cả các thành viên CoP	Trong quá trình hình thành CoP	Thấp	Ban QLDA, chuyên gia về giới	Biên bản cuộc họp	
Sự tham gia của cộng đồng	Thiếu sự quan tâm hoặc tham gia của cộng đồng vào các CoP tập trung vào NbCS	Tiến hành các chiến dịch nâng cao nhận thức và chia sẻ các lợi ích của NbCS và du lịch sinh thái tại địa phương  Thông tin, tuyên truyền tới cộng đồng khi cần thiết	Chu kỳ dự án	Trung bình	Ban QLDA, chính quyền địa phương	Biên bản tham vấn cộng đồng	

Yếu tố Môi trường / Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Xác suất Rủi ro	Trách nhiệm	Hình thức thực hiện	Ghi chú
		Đảm bảo sự tham gia của phụ nữ vào COP					
Suy thoái môi trường	Các hoạt động du lịch sinh thái của CoP có thể gây ảnh hưởng cho các hệ sinh thái nhạy cảm	Xây dựng và triển khai các hướng dẫn về môi trường cho hoạt động du lịch, đào tạo các thành viên CoP làm hướng dẫn viên sinh thái và tuyên truyền, phổ biến với khách du lịch	Chu kỳ dự án	Trung bình	Ban QLDA, chính quyền địa phương	Danh sách kiểm tra giám sát	

Bảng 7. Các biện pháp xác định và giảm thiểu rủi ro

### 3. Triển khai và vận hành

#### 3.1. Trách nhiệm của các bên liên quan

Các ban QLDA sẽ chịu trách nhiệm giám sát toàn bộ quá trình triển khai thực hiện dự án, bao gồm cả việc tuân thủ các quy định về môi trường. Các ban QLDA sẽ chịu trách nhiệm thực hiện tài liệu ESMP và hiệu quả môi trường của các can thiệp mục tiêu này. Cụ thể, các ban QLDA sẽ:

- a) Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc tham gia của cộng đồng trong quá trình chuẩn bị và thực hiện.
- b) Triển khai và giám sát việc thực hiện ESMP
- c) Đảm bảo hệ thống quản lý môi trường được thiết lập và hoạt động bình thường.
- a) Chịu trách nhiệm báo cáo các vấn đề xã hội và môi trường cho các cơ quan có thẩm quyền (ví dụ: Ủy ban nhân dân xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường)
- d) Xin giấy phép về môi trường theo luật pháp và quy định quốc gia nếu cần.

Các nhà thầu và chuyên gia/tư vấn sẽ chịu trách nhiệm giám sát cộng đồng địa phương trong việc đồng triển khai các hoạt động như sau:

#### *Lắp đặt Hệ thống cảnh báo sớm khi tượng thủy văn (HMEWS)*

- a) Tuân thủ các quy định về môi trường: Đảm bảo các hoạt động lắp đặt không gây ra thiệt hại cho môi trường (ví dụ: tránh phá rừng, xói mòn đất).
- b) Xử lý và lắp đặt thiết bị đúng cách: Thực hiện theo các hướng dẫn kỹ thuật để tránh trục trặc hệ thống.
- c) Các biện pháp đảm bảo sức khỏe và an toàn: Đảm bảo an toàn cho người lao động và tuân thủ các quy chuẩn về an toàn lao động.
- d) Quản lý chất thải: Xử lý đúng cách chất thải xây dựng, bao gồm cả các linh kiện điện tử.
- e) Phối hợp với chính quyền địa phương: Xin các giấy phép cần thiết trước khi lắp đặt.

#### *Hỗ trợ thành lập và quản lý Khu bảo tồn biển*

- a) Tuân thủ quy định về bảo tồn: Tránh làm xáo trộn môi trường sống tự nhiên và hệ sinh thái biển.
- b) Thực hiện tất cả các yêu cầu theo quy định của Luật Thủy sản 2017 về thành lập và quản lý MPA
- c) Giảm thiểu ảnh hưởng tới sinh hoạt cộng đồng: Phối hợp với cộng đồng địa phương để tránh các tác động không mong muốn.
- d) Xác định nhu cầu tiến hành Đánh giá tác động môi trường (EIA) (nếu cần)
- e) Tiến hành các đánh giá cần thiết về tác động tiềm tàng của MPA đối với sinh kế truyền thống và khả năng tiếp cận tài nguyên của cộng đồng địa phương

#### *Trồng và phục hồi rừng ngập mặn*

- a) Chuẩn bị địa điểm phù hợp: Tránh khai thác quá mức, tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật và tham khảo các biện pháp thực hành tốt nhất để chuẩn bị địa điểm cho việc trồng và phục hồi rừng ngập mặn.
- b) Chuẩn bị giải pháp nếu có dấu hiệu của đất phèn sunfat
- c) Trồng: Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật về lựa chọn giống, kỹ thuật và phương pháp trồng.
- d) Nuôi dưỡng và giám sát: Tiến hành kiểm tra thường xuyên để đảm bảo tỷ lệ sống sót và sự phát triển của cây.
- e) Hạn chế ô nhiễm: Giảm thiểu rác thải nhựa hoặc hóa chất độc hại.
- f) Hợp tác với cộng đồng địa phương: Hỗ trợ việc làm tại địa phương, xây dựng năng lực, nâng cao điều kiện làm việc của người lao động, v.v.

**Cộng đồng địa phương:** Theo quy định trong nước, cộng đồng có quyền và trách nhiệm giám sát môi trường thường xuyên trong quá trình xây dựng để đảm bảo rằng quyền lợi và sự an toàn của họ được bảo vệ đầy đủ và các biện pháp giảm thiểu được các nhà thầu và ban QLDA thực hiện hiệu quả. Nếu xảy ra vấn đề không mong muốn, cộng đồng sẽ báo cáo với ban QLDA và sử dụng Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) hiện có.

### 3.2. Giám sát, đánh giá và báo cáo

#### 3.2.1. Giám sát và báo cáo

Việc giám sát liên quan đến ESMP như dưới đây:

STT	Hoạt động	Tần suất	Công cụ báo cáo - Trách nhiệm
1	Các chuyến giám sát thực địa và kiểm tra tại chỗ để giám sát việc tuân thủ các tiêu chuẩn SES	Theo nhiệm vụ	Báo cáo thực địa (BTOR) – Ban QLDA
2	Số trường hợp được ghi nhận thông qua Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) và hiện trạng	Hai tuần một lần	Báo cáo hai tuần một lần – Ban QLDA
3	Nhiệm vụ giám sát	Quý	Báo cáo thực địa (BTOR) – chuyên gia môi trường UNDP
4	Báo cáo tình trạng tuân thủ SES	Quý/năm	Được đưa vào báo cáo hàng quý do Ban QLDA gửi cho UNDP
5	Đánh giá mức độ tham gia của phụ nữ và sự lãnh đạo của phụ nữ	Quý	Báo cáo hàng năm do UNDP lập gửi cho GAC

Bảng 8. Lịch trình giám sát và báo cáo của ESMP

#### 3.2.2. Báo cáo sự cố môi trường

Bất kỳ sự cố nào, bao gồm việc không tuân thủ các quy trình của ESMP đều phải được báo cáo bằng cách sử dụng các mẫu báo cáo với đầy đủ các chi tiết liên quan. Bất kỳ sự cố nào gây ra hoặc có khả năng gây ra thiệt hại nghiêm trọng hoặc đáng kể tới môi trường đều phải được thông báo cho Quản lý dự án càng sớm càng tốt. Nhà thầu sẽ phải tạm ngừng công việc cho đến khi các biện pháp khắc phục được hoàn thành trên cơ sở đồng thuận từ phía ban QLDA. Các hành động khắc phục phải được thực hiện ngay lập tức.

#### 3.2.3. Dự toán chi phí

Chi phí ước tính để thực hiện kế hoạch ESMP này được trình bày trong bảng sau:

Hoạt động	Nguồn tài trợ	Chi phí ước tính
Các biện pháp giảm thiểu của nhà thầu trong quá trình lắp đặt	Một phần của hợp đồng	Bao gồm trong đề xuất tài chính của nhà thầu
Tuyển dụng chuyên gia môi trường hoặc sử dụng chuyên gia nội bộ	Theo mục ngân sách được giao	60.000 đô la Mỹ
Giám sát môi trường trong toàn bộ quá trình thực hiện dự án	Một phần chi phí quản lý dự án của các dự án	30.000 đô la Mỹ
Ngân sách dự phòng để điều tra/giải quyết các vấn đề	Theo mục ngân sách được giao	10.000 đô la Mỹ
<b>Tổng</b>		100.000 đô la Mỹ (chưa tính các hạng mục ngân sách khác được đưa vào hợp đồng và công tác triển khai)

Bảng 9. Ước tính chi phí thực hiện ESMP

#### 4. Cơ chế giải quyết khiếu nại

Tiêu chuẩn xã hội và môi trường của UNDP chỉ ra rằng ngay cả với kế hoạch và cam kết mạnh mẽ của các bên liên quan, các vấn đề không lường trước vẫn có thể phát sinh. Do đó, bộ Tiêu chuẩn xã hội và môi trường được hỗ trợ bởi cơ chế giải trình với hai thành phần chính:

- **Đánh giá tuân thủ xã hội và môi trường (SECU)** trong trường hợp có ý kiến cho rằng UNDP không tuân thủ các chính sách xã hội và môi trường hiện hành; xem thêm thông tin tại đây <http://www.undp.org/content/undp/en/home/operations/accountability/secu-srm/>
- **Cơ chế phản hồi của bên liên quan (SRM)** đảm bảo các cá nhân, người dân và cộng đồng bị ảnh hưởng bởi các dự án có quyền đề đạt ý kiến và giải quyết các khiếu nại và vấn đề liên quan đến dự án. Thông tin về SRM của UNDP tại Việt Nam có thể được tìm thấy tại đây <https://www.undp.org/vietnam/stakeholder-response-mechanism>

Nhóm quản lý Dự án sẽ thiết lập Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) cấp dự án và công bố cho các bên liên quan và cộng đồng địa phương. Điều khoản tham chiếu (TOR) GRM ở cấp dự án của Dự án VN-CSCC được nêu trong Phụ lục VI.

Các thành viên của ban QLDA sẽ hỗ trợ và chịu trách nhiệm thực hiện GRM ở cấp địa phương. Địa chỉ liên hệ của Dự án VN-CSCC tại Ban QLDA như dưới đây (sẽ được cập nhật nếu có thay đổi):

STT	Họ tên	Chức vụ	SĐT	Email
<b>I</b>	<b>Ban QLDA TP Huế</b>			
1	Nguyễn Phước Thọ	Phó Giám đốc	0905665735	nptho151172@gmail.com
2	Hoàng Thái Long	Chuyên viên	0945083352	hoangthailong2002@gmail.com
<b>II</b>	<b>Ban QLDA Bình Định</b>			
1	Hồ Quốc Tuấn	Chuyên viên kỹ thuật	0973036189	tuan.hoquoc@gmail.com
2	Trần Văn Vinh	Phó Giám đốc	0913440647	vanvinhbvn@gmail.com
<b>III</b>	<b>Ban QLDA Sóc Trăng</b>			
1	Nguyễn Đức Hoàng	Tư vấn kỹ thuật	0919371495	duchoangvl@gmail.com
2	Nguyễn Thị Hồng Điệp	Phó giám đốc	0945557985	hongdieplovely@gmail.com
<b>IV</b>	<b>Ban QLDA Cục Thủy sản và Kiểm ngư (DFIS)</b>			
1	Hoàng Dương	Tư vấn kỹ thuật	0389984580	hoangduong6688@gmail.com

#### 5. Dân tộc thiểu số

Thuật ngữ “dân tộc thiểu số” (DTTS) được sử dụng trong tài liệu ESMP này và trong tất cả các tài liệu bảo vệ liên quan của dự án. Một Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số (EMP) độc lập đã được lập và đính kèm trong Phụ lục I của tài liệu này.

## PHỤ LỤC I – KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ (EMP)

### I. Bối cảnh dự án

Dựa theo kết quả sàng lọc và tham vấn ban đầu, người Hoa và người Khmer là hai dân tộc thiểu số cư trú tại các khu vực dự án ở tỉnh Sóc Trăng (huyện Trần Đề và Cù Lao Dung). Cho đến nay, không có nhóm dân tộc thiểu số nào được ghi nhận tại các địa điểm dự án ở Thành phố Huế và tỉnh Bình Định.

Người Hoa, còn được gọi là người Hoa ở Việt Nam, là một nhóm dân tộc thiểu số quan trọng có lịch sử di cư vào Việt Nam. Họ có di sản văn hóa phong phú, bao gồm các phong tục, truyền thống và ngôn ngữ riêng biệt. Người Hoa là dân tộc thiểu số lớn thứ tư ở Việt Nam. Nhiều người Hoa đã tham gia vào các hoạt động thương mại và kinh doanh, chiếm 5,22% dân số tỉnh Sóc Trăng. Người Hoa nói nhiều phương ngữ tiếng Trung, bao gồm tiếng Quan Thoại (Mandarin), tiếng Quảng Đông (Cantonese), tiếng Triều Châu (Teochow), tiếng Khách Gia (Hakka), ngoài tiếng Việt.

Người Khmer là một nhóm dân tộc thiểu số tại Việt Nam, chủ yếu cư trú ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Họ là một trong 54 nhóm dân tộc được công nhận tại Việt Nam. Người Khmer Krom là tên gọi cụ thể của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long. Ngôn ngữ của họ là tiếng Khmer, một ngôn ngữ Mon-Khmer. Họ thường được tổ chức thành các thôn (“phum”) và làng (“sóc”). Tại các khu vực dự án, người Khmer thường dựa vào nghề nông và đánh bắt thủy hải sản để kiếm sống và chiếm 30,19% dân số địa phương.

Về ngôn ngữ, đánh giá sơ bộ cho thấy cả người Hoa và người Khmer ở các khu vực dự án đều thông thạo tiếng Việt. Tuy nhiên, các cuộc tham vấn với một nhóm người Khmer vào ngày 28 tháng 3 năm 2025 cho thấy khoảng 40% trong số họ, đặc biệt là phụ nữ lớn tuổi, dù có thể đọc hiểu tiếng Việt nhưng có khó khăn trong việc viết. Dự án nhiều khả năng sẽ có sự tham gia của người Khmer cao hơn vì nhóm người Hoa - trong khu vực dự án - chủ yếu tham gia vào các hoạt động thương mại và kinh doanh nhỏ trong khi hoạt động dự án tập trung vào nông, lâm nghiệp.

### II. Tóm tắt về các quyền cơ bản và khuôn khổ pháp lý

#### *Luật pháp, chính sách và quy định quốc gia*

Quyền của tất cả các dân tộc đều được ghi nhận trong Hiến pháp Việt Nam (2013). Bộ luật Dân sự (2014) quy định bảo vệ cơ bản quyền của các dân tộc khác nhau, bao gồm quyền của cá nhân được xác định và xác định lại dân tộc của mình. Theo Điều 7 của Bộ luật Dân sự, luật bảo đảm việc giữ gìn bản sắc dân tộc, tôn trọng và phát huy phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp, đoàn kết, tương trợ, hợp tác, nguyên tắc mỗi cá nhân vì cộng đồng, cộng đồng vì mỗi cá nhân và các giá trị đạo đức cao đẹp của các dân tộc cùng chung sống trên đất Việt Nam.

Việt Nam là bên ký kết Tuyên bố của Liên hợp quốc về Quyền của Người bản địa (UNDRIP, 2007). Việt Nam cũng là Bên tham gia Hội nghị các Bên (COP) của Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC). Phần mở đầu của Thỏa thuận Paris nêu rõ sự tôn trọng các quyền con người, bao gồm quyền của Người bản địa, quyền giới và công bằng giữa các thế hệ phải được xem xét trong các cuộc thảo luận về công lý khí hậu và phát triển. Thỏa thuận Paris cũng nêu bật nhu cầu tích hợp các hệ thống kiến thức của Người bản địa vào tất cả các kế hoạch và hành động thích ứng.

Chính sách và khuôn khổ pháp lý chung của Việt Nam đặc biệt quan tâm đến các dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương để thúc đẩy tiếp cận các quyền và dịch vụ cơ bản của con người nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế và giảm nghèo, bao gồm:

- a) Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Kỳ họp thứ 14, Quốc hội phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trong đó thống nhất các chính sách của Chính phủ tập trung vào xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, bình đẳng giới và thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa các dân tộc.

- b) Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.
- c) Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021-2025.
- d) Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các chỉ tiêu thực hiện đẩy nhanh các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với các Mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015, trong đó tích hợp, lồng ghép các chỉ tiêu phát triển đồng bào dân tộc thiểu số với các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và Mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015; lồng ghép các chỉ tiêu phát triển đồng bào dân tộc thiểu số vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và kế hoạch công tác của từng bộ, ngành, địa phương; kết hợp các nguồn lực khác nhau để phát triển đồng bào dân tộc thiểu số và tham gia vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội.
- e) Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2013 về chương trình hành động thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển đồng bào dân tộc thiểu số miền núi đến năm 2020.
- f) Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban Dân tộc về chế độ trợ giúp pháp lý cho đồng bào dân tộc thiểu số

Ủy ban Dân tộc của Chính phủ (UBND) là cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên phạm vi toàn quốc, phối hợp với Bộ NNMT và các bộ, ngành liên quan trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Nghị định số 13/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc. Nhóm công tác dân tộc thiểu số do UNDP và Đại sứ quán Úc đồng chủ trì cung cấp nền tảng cho các Đối tác phát triển làm việc với Ủy ban Dân tộc và các bộ, tổ chức xã hội và các bên liên quan khác để nâng cao hiệu quả của các biện pháp can thiệp hỗ trợ cộng đồng dân tộc thiểu số.

Theo quy định tại Thông tư số 01/TT-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc, Ủy ban Dân tộc cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chương trình, biện pháp phát triển dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, đề án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ ổn định đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Ủy ban Dân tộc cấp tỉnh có trách nhiệm phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc và hướng dẫn Phòng Dân tộc cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã. Ủy ban Dân tộc cấp tỉnh còn có trách nhiệm tổ chức tiếp dân, thăm hỏi, giải quyết nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ, chính sách, quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức đại hội đại biểu đồng bào dân tộc thiểu số cấp huyện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; khen thưởng, đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc: trong công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc (như tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo); giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; giữ vững an ninh, trật tự, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

### ***Tiêu chuẩn xã hội và môi trường của UNDP***

Tiêu chuẩn xã hội và môi trường của UNDP, đặc biệt là Tiêu chuẩn 6 cấp của dự án về dân tộc thiểu số cung cấp các hướng dẫn để đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả và có ý nghĩa của người dân tộc thiểu số phù hợp với nhu cầu phát triển, xây dựng quan hệ đối tác bền vững với cộng đồng người dân tộc thiểu số như những người bạn đồng hành trong các nỗ lực phát triển và bảo tồn.

Thông qua việc thực hiện Tiêu chuẩn 6, UNDP hướng đến mục tiêu tránh những tác động tiêu cực đến người dân tộc thiểu số như việc hạn chế tiếp cận tài nguyên của họ; giảm thiểu và khắc phục những tác động không thể tránh khỏi; hỗ trợ các quốc gia thực hiện các cam kết về việc lấy con người trung tâm phát triển; và đảm bảo mang đến lợi ích công bằng và phù hợp với văn hóa với người dân tộc thiểu số. Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số này được lập theo Tài liệu hướng dẫn về Tiêu chuẩn 6 và bộ tài liệu SES của UNDP.

### III. Tác động tiềm tàng đến dân tộc thiểu số và các biện pháp giảm thiểu

Các khu vực can thiệp	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
Lắp đặt các trạm HMEWS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cải thiện khả năng tiếp cận các cảnh báo sớm về thiên tai, giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương và mất mát về người trong cộng đồng, rủi ro canh tác nông - ngư nghiệp</li> <li>- Tăng cường công tác phòng ngừa thiên tai ở cấp cộng đồng.</li> <li>- Theo kết quả tham vấn các bên liên quan tại địa phương tại các tỉnh thực hiện Dự án từ ngày 9-18 tháng 4 năm 2025, thông tin khí tượng thủy văn từ HMEWS của Dự án dễ dàng tiếp cận để phục vụ cho cuộc sống hàng ngày, người canh tác (người hưởng lợi) nông nghiệp, ngư nghiệp và nông lâm kết hợp (nuôi tôm, cá dưới tán rừng ngập mặn) thông qua nhiều kênh (ví dụ: nhóm Zalo và loa phường, UBND xã, các cuộc họp thường kỳ của các tổ chức quần chúng, v.v. Tại một thôn, khoảng 70-80% hộ gia đình đang sử dụng Zalo và 20-30% hộ gia đình còn lại trong xã sẽ tiếp cận thông tin qua các phương tiện khác, như loa phường, họp, Facebook, v.v.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu không đảm bảo sự xem xét đầy đủ các yếu tố văn hóa và ngôn ngữ, các cảnh báo có thể không được các nhóm dân tộc thiểu số (DTTS) hiểu hoặc tin tưởng.</li> <li>- Nguy cơ bị hông hóc nếu cộng đồng ở những vùng hẻo lánh không giữ gìn và bảo vệ thiết bị.</li> </ul>
Thiết lập các điểm thu gom rác thải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường sống sạch hơn, cải thiện sức khỏe.</li> <li>- Cơ hội cho cộng đồng tham gia hoặc làm việc trong các dịch vụ quản lý chất thải.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bãi rác nằm quá gần nơi cư trú của cộng đồng dân tộc thiểu số có thể gây ra các ảnh hưởng về môi trường hoặc văn hóa, tập tục.</li> <li>- Nguy cơ có sự thiếu đồng thuận từ người dân nếu không được tham vấn đầy đủ.</li> </ul>
Thiết lập và vận hành MPA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ đa dạng sinh học biển hỗ trợ tính bền vững lâu dài của nghề đánh bắt cá.</li> <li>- Tiềm năng cho du lịch sinh thái hoặc việc làm bảo tồn dựa vào cộng đồng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc hạn chế tiếp cận các bãi đánh bắt hoặc khai thác truyền thống có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sinh kế của các dân tộc thiểu số phụ thuộc vào nguồn tài nguyên biển.</li> <li>- Tạm ngừng hoặc hạn chế đánh bắt cá</li> </ul>
Trồng và phục hồi rừng ngập mặn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cải thiện khả năng bảo vệ bờ biển khỏi bão và xói mòn.</li> <li>- Góp phần duy trì lâu dài nghề cá và bảo tồn đa dạng sinh học – nguồn sống quan trọng của các cộng đồng dân tộc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc hạn chế tiếp cận đất đai hoặc nguồn nước trong thời gian ngắn trong quá trình trồng trọt có thể ảnh hưởng đến sinh kế.</li> <li>- Nguy cơ dẫn đến việc tái định cư nếu không có sự tham vấn cộng đồng kỹ lưỡng.</li> </ul>
Phục hồi rạn san hô	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ sinh thái rạn san hô khỏe mạnh hơn hỗ trợ đánh bắt cá bền vững và du lịch sinh thái.</li> <li>- Cơ hội đào tạo và thu nhập từ các hoạt động phục hồi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc tiếp cận các ngư trường có thể bị hạn chế.</li> <li>- Có khả năng bị loại khỏi việc tham gia các hoạt động phục hồi nếu không có hoạt động tiếp cận nhạy cảm về mặt văn hóa.</li> </ul>
Du lịch sinh thái	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh kế đa dạng và bền vững cho cộng đồng địa phương, đặc biệt là phụ nữ và các dân tộc thiểu số.</li> <li>- Tăng cường bản sắc văn hóa và bảo tồn thông qua du lịch do cộng đồng lãnh đạo, giới thiệu di sản, nghề thủ công và truyền thống địa phương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sự tiếp cận không bình đẳng với các cơ hội kinh tế nếu phụ nữ hoặc các nhóm dân tộc thiểu số không được hỗ trợ hoặc tham vấn đầy đủ.</li> </ul>

Với những tác động tiềm tàng nêu trên, những khuyến nghị sau đây được đưa ra để đảm bảo có thể tránh và giảm thiểu những tác động tiêu cực cũng như có thể khuếch đại những tác động tích cực:

- Tiến hành tham vấn toàn diện và có sự tham gia của cộng đồng DTTS trước khi bắt đầu các hoạt động; áp dụng quy trình FPIC khi áp dụng.
- Các cuộc tham vấn phải phù hợp với văn hóa, nhạy cảm về giới và được thực hiện bằng ngôn ngữ hoặc phương ngữ địa phương để đảm bảo sự tham gia mang tính bao trùm.
- Thu thập và ghi chép thông tin có liên quan về các giá trị văn hóa, tập quán, mô hình sử dụng tài nguyên và kiến thức truyền thống của cộng đồng DTTS thông qua các đánh giá cơ sở hoặc lập bản đồ xã hội.
- Tích hợp truyền thống và hệ thống kiến thức DTTS vào thiết kế và triển khai các biện pháp can thiệp của dự án, đặc biệt là trong các lĩnh vực như quản lý tài nguyên, bảo tồn và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.
- Đảm bảo rằng nhân viên dự án, nhà thầu, nhà cung cấp dịch vụ và các tổ chức đào tạo được định hướng và đào tạo về truyền thống DTTS, chuẩn mực xã hội và nhạy cảm về văn hóa.
- Yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ phát triển và triển khai các kế hoạch hoặc hướng dẫn nhạy cảm với DTTS để tôn trọng và thích ứng với văn hóa của người DTTS.
- Phổ biến thông tin của Dự án bằng các ngôn ngữ và định dạng phù hợp với cộng đồng DTTS (ví dụ: tài liệu trực quan, đài phát thanh cộng đồng, cán bộ dự án tại địa bàn).
- Sử dụng các kênh truyền thông truyền thống hoặc người lớn tuổi/lãnh đạo cộng đồng khi thích hợp để tăng cường sự hiểu biết và lòng tin.
- Thiết kế các biện pháp can thiệp của Dự án để đảm bảo quyền tiếp cận và sự tham gia công bằng của cộng đồng DTTS, đặc biệt là trong hỗ trợ sinh kế, đào tạo, việc làm và các dịch vụ hệ sinh thái, đặc biệt chú ý đến ngôn ngữ, phong tục và giới.
- Điều chỉnh các chương trình chia sẻ lợi ích theo nhu cầu văn hóa và sinh kế của cộng đồng DTTS.
- Hỗ trợ các vai trò lãnh đạo cho DTTS, bao gồm cả phụ nữ, để tăng cường quyền sở hữu và tính bền vững của các biện pháp can thiệp.
- Đảm bảo DTTS thuộc nhóm đối tượng thụ hưởng trong quá trình lập kế hoạch và báo cáo dự án.

#### IV. Lợi ích phù hợp

Lĩnh vực	Lợi ích
Tăng cường sinh kế và Thu nhập thay thế	<p><b>Cơ hội việc làm</b> trong quá trình thực hiện dự án (ví dụ, trồng rừng ngập mặn, phục hồi rạn san hô).</p> <p>Hỗ trợ <b>sinh kế bền vững</b> như du lịch sinh thái, nghề cá cộng đồng hoặc nuôi trồng thủy sản hữu cơ.</p> <p>Xây dựng năng lực và cung cấp hỗ trợ ban đầu để đa dạng hóa <b>các nguồn thu nhập</b></p>
Xây dựng năng lực phù hợp với nhu cầu của DTTS	Xây dựng năng lực cho <b>phụ nữ DTTS</b> , giúp họ tham gia vào các ủy ban quản lý tại địa phương hoặc của Dự án.
Tiếp cận dịch vụ	<p><b>Tiếp cận công bằng với HMEWS</b> – các cảnh báo phù hợp với văn hóa.</p> <p><b>Cải thiện các dịch vụ môi trường</b> tại các khu vực có DTTS sinh sống, chẳng hạn như hệ thống thu gom rác thải, vệ sinh hoặc nước sạch.</p>

Quyền lợi liên quan tới đất đai và tài nguyên	Đảm bảo Dự án <b>tôn trọng việc sử dụng tài nguyên truyền thống của người DTTS</b> , quyền tiếp cận các địa điểm linh thiêng và đất đai theo phong tục.  <b>Đồng quản lý các khu bảo tồn</b> , nơi cộng đồng người DTTS tham gia quản lý và giám sát, và hưởng lợi từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
Bảo tồn và tôn trọng văn hóa	Các hoạt động được thiết kế nhằm <b>tôn trọng và bảo tồn các tập tục</b> , nghi lễ và kiến thức văn hóa (ví dụ: phương pháp đánh bắt cá truyền thống hoặc địa điểm mang ý nghĩa tâm linh).

## V. Hỗ trợ năng lực

Thời gian	Hoạt động	Trách nhiệm	Công cụ
Tháng 6 năm 2025	Xây dựng thông điệp về thông tin dự án bằng tiếng Khmer/tờ rơi dự án bằng tiếng Khmer và ngôn ngữ thích hợp	Ban QLDA Sóc Trăng, UNDP	Thông điệp bằng tiếng Khmer sẽ được phổ biến trên loa phóng thanh và thông qua các cấu trúc cộng đồng hiện có, ví dụ như các chi hội của Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên tại địa phương  Có sẵn tờ rơi bằng cả tiếng Kinh và tiếng Khmer  Phát triển các thông điệp quan trọng của Dự án bằng ngôn ngữ địa phương
Tháng 12 năm 2025	Hướng dẫn xây dựng nhóm lợi ích với cách tiếp cận mang tính nhạy cảm với văn hóa DTTS	Ban QLDA Sóc Trăng, UNDP	Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số  Đánh giá nhanh các chủ đề nhạy cảm về văn hóa trước khi thiết kế can thiệp
Trong chu kỳ dự án	Giám sát hoạt động của hệ thống tiếp nhận thông tin (GRM) nhạy cảm với văn hóa DTTS	Ban QLDA Sóc Trăng, UNDP	GRM

## VI. Giải quyết khiếu nại

Hệ thống GRM do dự án thiết lập, như đã đề cập trong Mục 4 của tài liệu ESMP, sẽ được sử dụng để giải quyết nhu cầu của các nhóm DTTS khác nhau.

## VII. Sắp xếp thể chế

Các bên liên quan chính của Dự án được bao gồm:

- Ban chỉ đạo dự án: thực hiện giám sát tổng thể.
- Ban QLDA (thuộc Sở NNMT tỉnh): thực hiện nhiệm vụ quản lý Dự án tại các địa điểm dự án. Việc thực hiện Kế hoạch người dân tộc thiểu số này được giao cho đầu mối chính sách an toàn (SES) của Ban QLDA.
- Ủy ban nhân dân xã: Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số sẽ được thực hiện với sự hỗ trợ của Phó Chủ tịch/Chủ tịch UBND xã, cán bộ khuyến nông, cán bộ địa chính.
- Cấp cộng đồng: Trưởng thôn và lãnh đạo/đại diện cộng đồng sẽ đóng vai trò là đầu mối đại diện cho cộng đồng DTTS thực hiện Kế hoạch người dân tộc thiểu số và phản ánh nhu cầu của cộng đồng DTTS.
- UNDP: giám sát thông qua nhóm dự án VN-CSCC.

### VIII. Giám sát và báo cáo

Hoạt động	Trách nhiệm	Phương thức giám sát
<b>Hoạt động GRM</b> Các nhóm DTTS biết về sự tồn tại, hoạt động và phương thức truy cập GRM (thông báo qua áp phích tại hội trường cộng đồng, loa phóng thanh)	Ban QLDA, Chuyên gia phụ trách về xã hội và môi trường, UNDP	Phổ biến thông tin và tham vấn cộng đồng
<b>Sự tham gia của các bên liên quan</b> Chính quyền địa phương, trường thôn và lãnh đạo cộng đồng tích cực tham gia vào việc xác định, giải quyết các vấn đề và mối quan tâm của cộng đồng DTTS.	Ban QLDA, Chuyên gia phụ trách về xã hội và môi trường, UNDP	Báo cáo cuộc họp
<b>Tham vấn cộng đồng</b> Trước khi triển khai các hoạt động trồng và phục hồi rừng ngập mặn, HMEWS và thu gom rác thải	Ban QLDA, Chuyên gia phụ trách về xã hội và môi trường, UNDP	Tham vấn, biên bản cuộc họp

### IX. Ngân sách và Tài chính

Chi phí dự tính 50.000 đô la Mỹ sẽ được phân bổ để thực hiện Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số thông qua việc huy động các chuyên gia, tiến hành tham vấn và phổ biến thông tin cho các nhóm dân tộc thiểu số. Việc phân bổ ngân sách bổ sung sẽ được thực hiện ở giai đoạn sau.

### PHỤ LỤC II: VN-CSCC SESP

### PHỤ LỤC III: DANH SÁCH KIỂM TRA & GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG ĐỂ LẮP ĐẶT HMEWS

Hạng mục	Có / Không	Ghi chú / Biện pháp đã thực hiện
<b>Kiểm soát bụi</b>		
Phun nước để giảm bụi trong quá trình đào/khoan?		
Che phủ vật liệu xây dựng để ngăn phát tán bụi?		
<b>Quản lý chất thải</b>		
Có kế hoạch thu gom và xử lý chất thải xây dựng không?		
Chất thải nguy hại (pin, thiết bị điện tử) có được thu gom riêng?		
Có thỏa thuận/hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom chất thải được không?		
<b>Kiểm soát tiếng ồn</b>		
Việc xây dựng chỉ diễn ra trong khung giờ cho phép (không làm phiền cư dân)?		
Máy móc và thiết bị có tính năng giảm tiếng ồn (cách âm)?		
<b>Quản lý thời gian lắp đặt</b>		
Lịch trình xây dựng đảm bảo được thiết kế hợp lý?		

Công nhân được tập huấn về các biện pháp bảo vệ môi trường trước khi bắt đầu làm việc?		
<b>Giám sát và điều chỉnh</b>		
Có tư vấn giám sát môi trường trong quá trình xây dựng?		
Khiếu nại từ cộng đồng về bụi, tiếng ồn hoặc chất thải có được tiếp nhận và giải quyết không?		

Lưu ý:

- Nếu bất kỳ mục nào được đánh dấu là **Không** thì phải thực hiện hành động khắc phục ngay lập tức.
- Danh sách này cần được đơn vị thi công hoặc tư vấn giám sát kiểm tra thường xuyên và ký xác nhận.

#### PHỤ LỤC IV – KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG SES 2025

STT	Hoạt động	Thời gian	Trách nhiệm	Lưu ý
1	Tham vấn với các ban QLDA về khu vực và các thủ tục liên quan để lắp đặt HMEWS	Tháng 9 năm 2025	Nhà thầu, Phụ trách hợp phần 1	
2	Tham vấn với chính quyền địa phương về địa điểm đặt điểm thu gom rác thải	Tháng 6 năm 2025	Nhà thầu, Phụ trách hợp phần 2	
3	Tham vấn cộng đồng về trồng và phục hồi rừng ngập mặn	Tháng 6 năm 2025	Nhà thầu, Phụ trách hợp phần 3	
4	Đánh giá địa điểm thành lập MPA	Tháng 9 năm 2025	Nhà thầu, Phụ trách hợp phần 3	Các vấn đề SES nên được đưa vào phạm vi công việc

#### PHỤ LỤC V – PROJECT LEVEL GRM – TERMS OF REFERENCE

#### PHỤ LỤC VI – ĐƠN ĐÓNG GÓP Ý KIẾN

Số đơn: _____			
Địa điểm: Xã: _____ Thôn/xóm: _____			
Họ tên: _____			
Tên người đóng góp ý kiến: _____			
Địa chỉ: _____ SDT _____			
Ngày nộp: _____			
Phân loại ý kiến (Đánh dấu vào ô phù hợp)			
<input type="checkbox"/>	Tiêu chí tham gia dự án	<input type="checkbox"/>	Không hài lòng với nhà thầu/công ty
<input type="checkbox"/>	Tác động đến môi trường (tiếng ồn, hoạt động gây gián đoạn, v.v.)	<input type="checkbox"/>	Không hài lòng trong cộng đồng
<input type="checkbox"/>	Thiếu sót trong tham vấn	<input type="checkbox"/>	Trì hoãn
<input type="checkbox"/>	Tài chính	<input type="checkbox"/>	Tiếng ồn
<input type="checkbox"/>	Chất lượng nước	<input type="checkbox"/>	Vệ sinh
<input type="checkbox"/>	Khác (ghi rõ)		
Mô tả ngắn gọn về vấn đề:			
Nguyên nhân được cho là gì?			
Biện pháp đề xuất:			